

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2019/HC-PT

Ngày: 08-5-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong hoạt động quản lý nhà
nước thuộc trường hợp cưỡng chế
phá dỡ công trình xây dựng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Đỗ Thị Kim Phượng.

2/ Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 tháng 4 và ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 25/2019/TLPT-HC ngày 14/01/2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước thuộc trường hợp cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 845/2019/QĐ-PT ngày 26/02/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 1542/2019/QĐ-PT ngày 21/3/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2352/2019/QĐ-PT ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 315 B, ấp C, xã D, huyện A, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Lê An N, sinh năm 1993.

(Theo giấy ủy quyền số 006801 ngày 12/3/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm 1970 – Luật sư Công ty Luật H.

Địa chỉ: 201/60/34 N, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, ấp 5, xã D, huyện A, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Minh H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A.

(Giấy ủy quyền số 1118/UQ-UBND ngày 16/8/2018)

Do có đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

*** Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Phần đất có diện tích 135,3 m² thuộc thửa 549 tờ bản đồ số 42, Bộ địa chính xã D, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 301755 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 01/02/2008, có nguồn gốc do bà B nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn X vào tháng 7/2007 nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đến năm 2008 bà mới hoàn tất thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng trong năm 2007, bà đã tiến hành xây dựng căn nhà kiên cố trên phần đất đã nhận chuyển nhượng, việc xây dựng không có giấy phép. Sau khi hoàn tất, bà mới được biết căn nhà của bà xây dựng có 01 phần diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận, sau đó, bà đã làm đơn xin tồn tại căn nhà và xin được giao đất đối với phần nhà xây nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngày 07/7/2017, Ủy ban nhân dân xã D, huyện A đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 19/BB-VPHC căn cứ vào điểm a khoản 7 điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP, có nội dung trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày lập biên bản hoặc kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà bà không thực hiện các yêu cầu tháo dỡ đối với phần căn nhà xây dựng nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị cưỡng chế.

Ngày 21/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và thực tế đã tiến hành cưỡng chế vào ngày 31/7/2017 và ngày 01/8/2017.

Ngày 06/8/2017, bà đã làm đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D đối với Quyết định 212/QĐ-UBND.

Ngày 13/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A đã ban hành Quyết định số 370/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại, theo đó bác khiếu nại của bà.

Không đồng ý, bà tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, nhưng đã quá thời hạn giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho bà.

Ngày 04/6/2018, bà khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện A yêu cầu:

1/ Hủy Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A.

2/ Hủy Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A về giải quyết khiếu nại.

3/ Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A dừng và khắc phục trả lại tài sản bị chiếm giữ do hành vi hành chính trái pháp luật: Phá khóa, chiếm giữ và niêm phong tài sản trái pháp luật đối phần căn nhà và tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà tại ấp C, xã D, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, có bà Nguyễn Thị Minh H- Phó Chủ tịch đại diện trình bày:**

Vào năm 2007, bà B xây dựng nhà ở, tường rào trên phần đất 135,3 m² thuộc quyền sử dụng của bà nhưng không có giấy phép xây dựng và lấn chiếm đất nghĩa địa. Do việc xây dựng lấn chiếm đất nghĩa địa của bà B đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A đã căn cứ vào Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 4 Nghị định 121/NĐ-CP ngày 10/10/2013, Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ xây dựng để lập Biên bản vi phạm đối với bà Nguyễn Thị B. Bà B cũng thừa nhận việc một phần công trình xây dựng nhà của bà B nằm trên đất nghĩa địa, bà đã làm thủ tục xin giao đất nhưng không được chấp nhận. Do bà B không tự nguyện tháo dỡ phần công trình xây dựng trên phần đất nghĩa địa nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 để cưỡng chế tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm. Vì vậy, việc

ban hành Quyết định 212/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D là đúng quy định.

Sau khi việc cưỡng chế hoàn tất, bà B làm đơn khiếu nại Quyết định 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D. Do việc ban hành Quyết định 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch là đúng quy định nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D ban hành Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 để bác khiếu nại của bà B.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân Huyện A đã quyết định:*

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc:

1/ Hủy Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A.

2/ Hủy Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A.

3/ Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A dừng và khắc phục trả lại tài sản bị chiếm giữ do hành vi hành chính trái pháp luật: Phá khóa, chiếm giữ và niêm phong tài sản trái pháp luật đối phần căn nhà và tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà tại ấp C, xã D, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường số tiền 157.900.000 (một trăm năm mươi bảy triệu chín trăm nghìn) đồng của bà Nguyễn Thị B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B có đại diện theo ủy quyền ông Trần Lê An N xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy các quyết định:

1/ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A.

2/ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A về giải quyết khiếu nại.

3/ Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện A dừng và khắc phục trả lại tài sản bị chiếm giữ do hành vi hành chính trái pháp luật: Phá khóa, chiếm giữ và niêm phong tài sản trái pháp luật đối phần căn nhà và tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà tại ấp C, xã D, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện phân tích và xác định: Yêu cầu kháng cáo của bà B là có cơ sở, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B.

* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D- huyện A có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Minh H- Phó Chủ tịch - đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tiến hành phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia phiên tòa theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về thủ tục tố tụng: Do Tòa án cấp sơ thẩm không lập biên bản không tiến hành đối thoại được mà lại đưa vụ kiện ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, cần phải huỷ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về toà án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà B làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

* Về thủ tục tố tụng:

Ngày 19/11/2018 người bị kiện có đơn yêu cầu không tổ chức đối thoại.

Ngày 19/11/2018 Toà án lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại biên bản này không thể hiện người khởi kiện được tiếp cận, công khai chứng cứ là đơn yêu cầu không tổ chức đối thoại của người bị kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện xác định tại cấp sơ thẩm chưa được tiếp cận chứng cứ là đơn yêu cầu không tổ chức đối thoại của người bị kiện và bà B cũng chưa có ý kiến đồng ý hay không đồng ý đối với đơn yêu cầu không tổ chức đối thoại của người bị kiện.

Theo khoản 3 điều 135 Luật TTHC qui định: “Các bên đương sự thống nhất đề nghị không tiến hành đối thoại” và tại khoản 3 điều 139 Luật TTHC qui định: “Đối với trường hợp không tiến hành đối thoại được qui định tại điều 135 của Luật này thì lập biên bản theo qui định tại khoản 1 Điều này.”

Như vậy, theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn phải tiến hành đối thoại theo thủ tục chung. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định mà lại đưa vụ kiện ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, cần phải huỷ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo qui định của pháp luật.

Do huỷ bản án sơ thẩm nên về nội dung cấp phúc thẩm không xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị huỷ bản án sơ thẩm. Đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Do huỷ bản án sơ thẩm nên bà B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện A để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Án phí hành chính

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0032901 ngày 11/7/2018 và biên lai thu số AA/2017/0032902 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Asẽ được quyết định khi Tòa án nhân dân huyện Agiải quyết vụ án.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện là bà Bkhông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú